

# Thực trạng giao rừng cho các dân tộc thiểu số tại chỗ quản lý, bảo vệ ở Tây duyên hải miền Trung và một số vấn đề đặt ra

Lê Thị Hường<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** *Giao rừng cho các dân tộc thiểu số (DTTS) là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam, được triển khai rộng rãi ở miền núi các tỉnh duyên hải miền Trung. Bên cạnh những tác động tích cực, việc giao rừng này cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế. Để công tác giao rừng hiệu quả, trong những năm tới, Nhà nước cần đổi mới chính sách giao rừng phù hợp với văn hóa, phong tục của các dân tộc, triển khai tập huấn, đào tạo nâng cao kiến thức lâm nghiệp mới cho người dân, kế thừa, phát huy vai trò của già làng và luật tục, đổi mới công tác quản lý, bảo đảm công khai, minh bạch và sự tham gia của người dân.*

**Từ khóa:** Duyên hải miền Trung, Dân tộc thiểu số tại chỗ, Lâm nghiệp, Giao rừng, Quản lý bảo vệ rừng

**Abstract:** *Forest allocation to ethnic minorities is a major policy of the Communist Party and the State of Vietnam, which has been widely deployed in the mountainous regions of the central coastal provinces. It reveals both positive and negative impacts. To effectively allocate forests years ahead, it is necessary to renew the forest allocation policy following the cultures and customs of the local ethnic groups, develop training and improve new knowledge of forestry for residents therein, inherit and promote the role of village elders and customary law, as well as reform the management in order to ensure publicity, transparency and the participation of local people.*

**Keywords:** Central Coast, Local Ethnic Minorities, Forestry, Forest Allocation, Forest Protection and Management

## 1. Đặt vấn đề

Rừng là nguồn tài nguyên quý giá cho phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Trong hơn một thập niên kể từ sau năm 1975, Nhà nước chủ trương quản lý toàn

bộ tài nguyên rừng thông qua thành lập hệ thống các lâm trường quốc doanh, người dân các DTTS xưa vốn gắn bó và sống dựa vào rừng, nay bị tách ra khỏi rừng. Bất cập đó là cơ sở dẫn đến chủ trương giao rừng cho người dân, trong đó có các DTTS quản lý, bảo vệ. Đây là chủ trương lớn và đúng đắn của Đảng và Nhà nước

---

<sup>(\*)</sup> ThS., Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: lehuongvdth@gmail.com

Việt Nam nhằm bảo vệ nguồn lợi rừng, góp phần cải thiện sinh kế, xóa đói giảm nghèo cho các DTTS. Từ thập niên 1980, đặc biệt từ sau năm 2004, cùng các tỉnh miền núi trong cả nước, các tỉnh duyên hải miền Trung đã triển khai công tác giao rừng cho cộng đồng các DTTS tại chỗ quản lý, bảo vệ.

Dưới góc độ dân tộc học, bài viết bước đầu giới thiệu thực trạng giao rừng cho các DTTS tại chỗ quản lý, bảo vệ ở khu vực miền núi các tỉnh duyên hải miền Trung và một số vấn đề đặt ra, tập trung vào những bất cập và kiến nghị giải pháp về xã hội, văn hóa trong bối cảnh phát triển bền vững hiện nay. Các DTTS tại chỗ ở miền núi các tỉnh duyên hải miền Trung được giới hạn trong 10 dân tộc (gồm Bru-Vân Kiều, Tà-ôi, Cơ-tu, Xơ-đăng, Co, Hrê, Ba-na, Ê-đê, Raglai và Cơ-ho) có dân số đông cư trú ở miền núi của 10 tỉnh duyên hải từ Quảng Trị đến Bình Thuận.

Ngoài kế thừa các tài liệu đã công bố, bài viết chủ yếu dựa vào tư liệu của Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng các DTTS tại chỗ khu vực Tây duyên hải miền Trung” do Viện Dân tộc học chủ trì (2018-2020)<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Các tư liệu được thu thập bằng ba phương pháp chính sau: 1/ Phòng vấn sâu thông tin viên chủ chốt tại 14 làng DTTS ở 7 huyện thuộc 5 tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định; 2/ Thảo luận nhóm với đại diện cán bộ và người dân tại 20 thôn/làng DTTS thuộc 20 xã, 10 huyện, 7 tỉnh, ngoài 5 tỉnh trên còn có hai tỉnh Phú Yên và Ninh Thuận; 3/ Tổ chức hội thảo khoa học thu thập tài liệu và tham khảo ý kiến cán bộ quản lý địa phương về thực trạng phát triển và một số vấn đề cơ bản cấp bách về kinh tế - xã hội ở các DTTS tại chỗ miền núi tại 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Ninh Thuận.

## 2. Các chính sách của Trung ương và các địa phương về giao rừng cho các dân tộc thiểu số quản lý, bảo vệ

Từ những năm cuối thập niên 1980, khi các lâm trường, các công ty lâm nghiệp quốc doanh dần bộc lộ hạn chế trong quản lý, bảo vệ rừng, Nhà nước đã chủ trương xã hội hóa nghề rừng, huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế trong quản lý, bảo vệ rừng, trong đó có các DTTS sống gần rừng. Chủ trương này thể hiện qua Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991, Luật Đất đai năm 1993, tiếp đó là Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước, Quyết định số 178/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp, Luật Đất đai năm 2003 và đặc biệt Luật Bảo vệ phát triển rừng năm 2004 có điều khoản công nhận quyền quản lý cộng đồng đối với rừng cộng đồng và cho phép khoán rừng đặc dụng để quản lý, bảo vệ cho các cá nhân/hộ gia đình sinh sống lâu đời tại địa phương.

Chủ trương xã hội hóa nghề rừng, bảo vệ rừng, giao rừng tiếp tục được hoàn thiện qua Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về việc giao đất khoán đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh, Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng, Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ hướng về

cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào DTTS giai đoạn 2015-2020...

Thực hiện chủ trương, chính sách của Trung ương, các tỉnh duyên hải miền Trung đã ban hành các chính sách cụ thể về giao rừng cho các DTTS quản lý, bảo vệ. Thực tiễn ở các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Quảng Nam sau đây là những ví dụ minh chứng.

Tại tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 16/11/2009 Phê duyệt Đề án “Giao rừng, cho thuê rừng tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2008-2015”, Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 ban hành Quy định về giao khoán quản lý, bảo vệ, khai thác tỉa thưa rừng trồng phòng hộ và hưởng lợi của Dự án trồng rừng phòng hộ tại tỉnh Quảng Trị.

Tại tỉnh Quảng Nam, Tỉnh ủy Quảng Nam đã ra Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 04/6/2010, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/8/2016 và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/11/2016 về công tác giao rừng cho các DTTS quản lý, bảo vệ; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 01/9/2010 về Chương trình hành động thực hiện các nghị quyết về tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy...

Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra các Quyết định số 62/2019/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 ban hành Quy chế quản lý rừng cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 về việc quy định một số nội dung hỗ trợ, bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào DTTS giai

đoạn 2017-2020 theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

### 3. Thực trạng giao rừng cho các dân tộc thiểu số tại chỗ quản lý, bảo vệ

Tính đến ngày 31/12/2018, diện tích và tỷ lệ che phủ rừng ở các tỉnh Bắc Trung bộ là 881.146 ha, chiếm 57%; ở các tỉnh duyên hải miền Trung là 846.601 ha, chiếm 49,27%. Tỷ lệ che phủ ở hai tiểu vùng đều cao hơn tỷ lệ che phủ rừng chung của toàn quốc là 41,65%<sup>1</sup>.

Hiện nay, trong cả nước và ở các tỉnh duyên hải miền Trung đang triển khai hai hình thức giao rừng cho các DTTS là giao rừng lâm nghiệp sản xuất, kinh doanh và giao rừng khoán quản lý, bảo vệ.

Rừng sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp do Nhà nước trực tiếp giao cho các hộ dân, còn rừng khoán quản lý, bảo vệ do các ban quản lý rừng giao cho cộng đồng thôn/làng hoặc cho các nhóm hộ trong các cộng đồng thôn/làng. Hình thức giao rừng lâm nghiệp cho dân sản xuất, kinh doanh được triển khai trên đất rừng nghèo hay đã trồng để người dân trồng cây lâm nghiệp, phát triển kinh tế. Đối tượng giao đất là hộ gia đình. Thời hạn giao đất là 50 năm. Hạn điền không quá 30 ha/hộ. Chính sách hưởng lợi căn cứ vào lượng tăng trưởng của rừng. Rừng nghèo kiệt hưởng 95%, rừng phục hồi hưởng 90%, rừng nghèo hưởng 85%, rừng trung bình hưởng 75%. Hộ gia đình được giao đất có trách nhiệm trồng cây phủ xanh đất rừng và sản xuất, kinh doanh cây lâm nghiệp. Hình thức này được triển khai ở nhiều thôn/làng DTTS khu vực Tây duyên hải miền Trung.

<sup>1</sup> Xem: Quyết định số 911/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, *Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2018*, [thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/quyet-dinh-911-QĐ-BNN-TCLN-2019-cong-bo-hien-trang-rung-toan-quoc-2018-409754.aspx](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/quyet-dinh-911-QĐ-BNN-TCLN-2019-cong-bo-hien-trang-rung-toan-quoc-2018-409754.aspx), truy cập ngày 20/02/2020.

Trong 20 thôn/làng được điều tra, khảo sát, 13 thôn/làng có hộ gia đình được giao đất rừng sản xuất, kinh doanh, mỗi hộ được giao từ 2 - 5 ha. Ở miền núi phía Bắc, người dân thường trồng bạch đàn, vầu, bương, luồng, còn ở các DTTS tại chỗ ở khu vực Tây duyên hải miền Trung, cây trồng phổ biến trên đất rừng sản xuất là cây keo - loại cây xóa đói, giảm nghèo phổ biến ở miền núi các tỉnh từ Quảng Bình đến Khánh Hòa,... Đến năm 2018, diện tích cây keo ở tỉnh Quảng Trị là 100.000 ha, Thừa Thiên Huế là 61.000 ha, Quảng Nam là 160.000 ha, Bình Định là hơn 100.000 ha, Phú Yên là 103.465 ha. Tại 10 dân tộc, 20 thôn/làng điều tra, khảo sát, có 10 làng được giao rừng sản xuất, kinh doanh, diện tích 645 ha, giao cho 207 hộ, bình quân 3,11 ha/hộ<sup>1</sup>. Hình thức giao đất lâm nghiệp sản xuất, kinh doanh là chủ trương đúng đắn nhằm phát triển rừng, góp phần thiết thực vào việc xóa đói giảm nghèo và hầu như không nảy sinh vấn đề gì.

Đối với giao rừng tự nhiên cho các DTTS tại chỗ quản lý, bảo vệ, thực hiện các chính sách của Trung ương và địa phương, từ thập niên 1980, đặc biệt từ năm 2004 đến nay, các tỉnh duyên hải miền Trung đã tích cực triển khai giao rừng quản lý, bảo vệ cho các DTTS tại chỗ. Khác với đất lâm nghiệp sản xuất, kinh doanh do Nhà nước trực tiếp giao, việc giao rừng quản lý, bảo vệ do các ban quản lý rừng thực hiện theo phương thức khoán chi. Rừng được giao trực tiếp cho nhóm hộ, hoặc giao cho cộng đồng làng để cộng đồng làng giao lại cho nhóm hộ. Kinh phí quản lý, bảo vệ trích từ hai nguồn: ngân sách do Nhà nước chi trả theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP và ngân sách do dịch vụ chi trả môi

trường rừng (PFES) của các dự án phát triển, phổ biến là của các nhà máy thủy điện chi trả. Mức khoán ban đầu là 50.000 đồng/ha/năm, sau tăng lên 100.000 đồng/ha/năm theo Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg và 400.000 đồng/ha/năm theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP.

Trong số 20 thôn/làng điều tra, khảo sát, có 12 thôn/làng có các hộ dân được giao rừng để quản lý, bảo vệ. Ở 8 thôn/làng còn lại, rừng tự nhiên xa làng hoặc còn không đáng kể. Diện tích rừng được giao quản lý bảo vệ ở 10 dân tộc, 20 thôn/làng thể hiện trong Bảng 1.

**Bảng 1: Diện tích rừng giao quản lý, bảo vệ ở 10 dân tộc thuộc 20 thôn/làng điều tra, khảo sát**

Stt	Dân tộc	Làng	Số hộ trong làng	Diện tích rừng được giao (ha)	Số hộ được giao rừng
1	Bru-Vân Kiều	Ra Man	125	0	0
2		Ruộng	122	158	12
3	Tà-ôi	Cà Vá	155	0	0
4		Cân Tôm	102	250	37
5	Cơ-tu	A Roong	201	645	68
6		BHoong	185	519	62
7	Xơ-đăng	Thôn 3	165	0	0
8		Thôn 7	57	210	15
9	Co	Đông	171	230	36
10		Thôn 2	111	120	15
11	Hrê	Tà Lương	184	0	0
12		Greng	280	0	0
13	Ba - na	Hà Giao	154	450	154
14		Hà Văn	100	270	100
15	Ê-đê	Buôn Ken	210	0	0
16		Krông	103	0	0
17	Cơ-ho	Gòn 1	316	58	20
18		Trà Trang	214	889	48
19	Raglai	Trà Co 2	371	0	0
20		Tà Luh 1	428	850	29
Cộng	10	20	3.754	4.649	596

Nguồn: Tổng hợp tài liệu thảo luận nhóm tại 20 thôn/làng năm 2019.

Xử lý số liệu Bảng 1 cho kết quả, bình quân diện tích rừng giao cho mỗi hộ ở

<sup>1</sup> Số liệu trích từ Báo cáo chuyên đề của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi phục vụ Đề tài.

20 thôn/làng là 1,2 ha, bình quân diện tích rừng được giao/hộ trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ là 8,7 ha. Theo đơn giá 400.000 đồng/ha/năm, thu nhập từ việc quản lý, bảo vệ rừng bình quân/hộ ở 20 làng là 500.000 đồng/hộ/năm, thu nhập bình quân hộ trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ rừng là 3.120.000 đồng/hộ/năm. Tiền thù lao tính theo mỗi ngày công tuần tra, bảo vệ trong năm 2018 là 150.000-200.000 đồng tùy từng nơi, đem lại thu nhập khoảng 2-4 triệu đồng/hộ/năm cho các hộ tham gia.

Cụ thể, hiện trạng giao rừng cho các DTTS tại chỗ ở một số tỉnh như sau:

- Tại tỉnh Quảng Trị, từ năm 2005 đến năm 2018 đã giao 17.841,7 ha rừng tự nhiên bằng ngân sách nhà nước cho 70 thôn/làng, 536 hộ DTTS tại chỗ ở 2 huyện Đakrông và Hướng Hóa. Tổng diện tích rừng được giao theo ngân sách chi trả dịch vụ môi trường rừng là 35.489,3 ha, chiếm 14% tổng diện tích rừng toàn tỉnh. Rừng sau khi giao được bảo vệ tốt hơn, góp phần nâng cao đời sống và giải quyết việc làm cho các dân tộc Bru-Vân Kiều, Tà-ôi (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Trị, 2019). Theo ý kiến thảo luận của cán bộ và người dân Bru-Vân Kiều ở làng Ra Man (xã Xy, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị), người dân mong muốn được giao rừng quản lý, bảo vệ để cải thiện đời sống và tăng thu nhập, nhưng do rừng tại địa phương còn rất ít, chủ yếu do Ban quản lý rừng của huyện và Ủy ban nhân dân xã quản lý nên cả xã nói chung và làng Ra Man với 125 hộ nói riêng không có hộ nào được giao rừng quản lý, bảo vệ. Theo ý kiến phỏng vấn sâu người dân Bru-Vân Kiều ở làng Ruộng (xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị), diện tích rừng được giao cho hộ dân không đáng kể, cơ chế trách nhiệm và quyền lợi giao rừng chưa rõ ràng và thu nhập chưa đủ để cải thiện đời sống.

- Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, đến năm 2016, toàn tỉnh có 225 cộng đồng, 2.954 hộ DTTS được giao 20.254,17 ha rừng quản lý, bảo vệ, chiếm trên 50% diện tích rừng được giao toàn tỉnh. Đến năm 2018, diện tích rừng giao cho cộng đồng và nhóm hộ DTTS tại chỗ toàn tỉnh là trên 230.000 ha, chủ yếu từ nguồn vốn chi trả dịch vụ môi trường rừng (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế, 2019). Giống như ở tỉnh Quảng Trị, trong 2 làng được khảo sát thuộc DTTS Tà-ôi ở tỉnh Thừa Thiên Huế thì làng Càn Tôm (xã Hồng Hạ, huyện A Lưới) được giao rừng quản lý, bảo vệ với diện tích không đáng kể, bình quân trên 2 ha/hộ, chỉ có 37 hộ/102 hộ được giao, ít có ý nghĩa tăng thêm thu nhập cho người dân; còn làng Cà Vá (xã Đông Sơn, huyện A Lưới) không được giao rừng quản lý, bảo vệ vì rừng nơi đây không còn.

- Tại tỉnh Quảng Nam, ngay từ thập niên 1980, Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai giao rừng cho cộng đồng thôn/làng quản lý, bảo vệ, định mức chi trả 50.000 đồng/ha/năm, nhưng không hiệu quả, rừng vẫn bị xâm hại do định mức chi trả thấp và do năng lực quản lý của thôn/làng hạn chế. Năm 2011 và 2012, tỉnh thí điểm giao khoán quản lý, bảo vệ rừng bằng ngân sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại xã Mà Cooih, huyện Đông Giang và các xã Tà Pơ, Chà Val, huyện Nam Giang. Trong các năm 2013-2017, tỉnh đã thực hiện 14 đề án giao rừng quản lý, bảo vệ cho các DTTS tại chỗ. Đến năm 2018, diện tích rừng được giao bằng ngân sách dịch vụ chi trả môi trường rừng là 280.477 ha giao cho 18.827 lao động và bằng ngân sách nhà nước là 102.396 ha giao cho 6.387 lao động (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam, 2019). Quảng Nam là địa bàn có rừng được giao cho các DTTS tại chỗ quản lý, bảo vệ nhiều nhất về số hộ

và số diện tích so với các tỉnh còn lại. Cả 4 thôn/làng khảo sát đều được giao rừng. Tuy chưa đem lại thu nhập đáng kể nhưng người dân phấn khởi vì được giao quyền làm chủ đối với tài nguyên rừng vốn có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống của họ trong quá khứ.

- Tại tỉnh Bình Định, đến năm 2018, diện tích giao khoán quản lý, bảo vệ rừng cho các DTTS tại chỗ là 121.727 ha từ hai nguồn là ngân sách nhà nước và dịch vụ chi trả môi trường rừng (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định, 2019). Giống như ở tỉnh Quảng Nam, Bình Định cũng là tỉnh quan tâm đến công tác giao rừng cho các DTTS tại chỗ quản lý, bảo vệ. Cả hai làng được khảo sát đều được giao rừng. Kết quả thảo luận nhóm cho thấy, người dân mong muốn Nhà nước giao rừng cho hộ dân nhiều hơn, bao gồm cả rừng kinh doanh và rừng quản lý, bảo vệ.

- Tại tỉnh Phú Yên, công tác giao rừng cho các DTTS tại chỗ được triển khai phổ biến ở 2 huyện Sông Hinh và Đồng Xuân. Tại huyện Sông Hinh, đến năm 2018, diện tích rừng giao khoán quản lý, bảo vệ là 24.800 ha, chủ yếu bằng kinh phí dịch vụ chi trả môi trường rừng (Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, 2019). Trong tương quan với các tỉnh, việc thực hiện công tác giao rừng cho các DTTS tại chỗ quản lý, bảo vệ ở tỉnh Phú Yên khó khăn và kém hiệu quả nhất. Cả 2 làng Buôn Krông và Buôn Ken của người Ê-đê đều không được giao rừng. Theo ý kiến thảo luận nhóm, thậm chí người dân ở đây còn không biết Nhà nước có chủ trương giao rừng cho DTTS quản lý, bảo vệ.

#### **4. Một số vấn đề đặt ra và kiến nghị, giải pháp**

Theo đánh giá tổng quát của người dân, của Sở Nông nghiệp và Phát triển

Nông thôn các tỉnh và của các nhà nghiên cứu như Nguyễn Ngọc Châu, Hồ Trọng Phúc (2010), Huỳnh Văn Chương, Lê Hoàng Vũ, Nguyễn Ngọc Thanh (2018), Lê Quang Vĩnh, Ngô Thị Phương Anh (2012), Tô Xuân Phúc, Trần Hữu Nghị (2014)..., giao rừng cho các DTTS quản lý, bảo vệ là chủ trương đúng đắn, kịp thời của Đảng, Nhà nước, đem lại nhiều tác động tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể là: *Thứ nhất*, góp phần bảo vệ rừng, khắc phục tình trạng quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng kém hiệu quả của các ban quản lý rừng trước đây; *Thứ hai*, gắn đời sống và sinh kế của người dân với rừng, cũng góp phần nối lại truyền thống sống trong rừng, vì rừng và cho rừng của các dân tộc; *Thứ ba*, tạo sinh kế và tăng thu nhập, góp phần cải thiện đời sống và nghèo đói ở các dân tộc.

Bên cạnh những tác động tích cực, việc giao rừng cho các DTTS quản lý, bảo vệ còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần nhận diện và khắc phục, có thể thấy ở một số nghiên cứu như: Chính sách và thực hiện chính sách còn chưa rõ ràng, hợp lý; Thiếu sự tham gia của cộng đồng trong giao rừng quản lý, bảo vệ; Cơ chế hưởng lợi trong giao rừng chưa rõ ràng; Diện tích rừng giao cho các doanh nghiệp nhà nước, các cấp chính quyền còn nhiều, chiếm trên 50%, trong khi giao cho các DTTS chỉ chiếm 25%, vì thế chưa huy động nguồn lực tối đa trong nhân dân; Việc giao rừng quản lý bảo vệ chưa tạo được động lực đủ mạnh để phát triển rừng bền vững (Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung và Đại học Nông Lâm Huế, 2013); Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm; Nhận thức của người dân về kinh tế lâm nghiệp và sản xuất lâm nghiệp hiện đại còn thấp (Nguyễn Ngọc Châu, Hồ Trọng Phúc, 2010); Sự phối hợp giữa các bên liên quan với cộng đồng trong quá trình quản lý, bảo vệ rừng

còn rời rạc, chưa chặt chẽ (Lê Quang Vĩnh, Ngô Thị Phương Anh, 2012).

Kết quả phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm dưới góc độ nhân học văn hóa với người dân do nhóm nghiên cứu tiến hành tại 4 thôn/làng được giao rừng quản lý, bảo vệ<sup>1</sup> cũng cho thấy một số bất cập của công tác giao rừng quản lý, bảo vệ cho các DTTS. Đó là: *Thứ nhất*, diện tích rừng được giao còn ít, định mức khoán 400.000 đồng/ha/năm là thấp, mức thu nhập từ 3 - 4 triệu đồng/năm/hộ tham gia quản lý, bảo vệ là không đáng kể để có thể cải thiện thu nhập cho hộ gia đình trong mức chi tiêu như hiện nay; *Thứ hai*, một số nơi chi trả tiền thù lao quản lý, bảo vệ rừng qua tài khoản ngân hàng là không phù hợp và gây khó khăn cho người dân; *Thứ ba*, tiền thù lao quản lý, bảo vệ rừng thường muộn so với thời gian cam kết trong hợp đồng và còn diễn ra tình trạng nợ đọng, khiến người dân bức xúc, thiếu tin tưởng vào chính sách của Nhà nước; *Thứ tư*, đã và đang diễn ra tình trạng so bì, thắc mắc của người dân do trong một làng, một cộng đồng vốn có truyền thống bình quân nguyên thủy, nhưng hộ này được tham gia quản lý, bảo vệ rừng hộ khác lại không. Chính vì nguyên nhân này mà ở hai làng Hà Giao và Hà Văn Trên của người Ba-na ở huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, cộng đồng làng lần lượt cắt cử tất cả các hộ gia đình đi tuần tra, bảo vệ rừng và tiền thù lao được chia đều cho các hộ trong làng; *Thứ năm*, bản thân chính sách khoán quản lý, bảo vệ chưa tiếp nối truyền thống làm chủ đối với rừng để tiếp nối văn hóa rừng, tín ngưỡng rừng của người dân, dẫn đến tâm lý mặc cảm, bị coi là người quản lý bảo vệ rừng thuê cho Nhà nước.

<sup>1</sup> gồm: làng Ruộng, xã Hương Tân, huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị (dân tộc Bru-Vân Kiều); thôn 7, xã Trà Tân, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam (dân tộc Xơ-đăng); làng Hà Giao, xã Canh Liên và làng Hà Văn Trên, xã Canh Thuận, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định (dân tộc Ba-na).

Từ những bất cập nêu trên, bài viết đề xuất một số giải pháp, kiến nghị góp phần triển khai hiệu quả hơn chủ trương giao rừng quản lý, bảo vệ cho các DTTS tại chỗ ở miền núi các tỉnh duyên hải miền Trung như sau: *Thứ nhất*, đổi mới chính sách giao rừng phù hợp với văn hóa, phong tục của các dân tộc, góp phần khôi phục một phần quyền quản lý và phân phối đất rừng truyền thống của các buôn làng, với cơ chế trách nhiệm và quyền lợi thỏa đáng, trong đó mở rộng tối đa diện tích rừng giao, có chế độ thù lao thỏa đáng để thực sự cải thiện đời sống từ kinh tế rừng, cũng đồng thời góp phần dung hòa mâu thuẫn giữa sở hữu toàn dân với sở hữu cộng đồng về đất rừng trong thời kỳ quá độ; *Thứ hai*, triển khai tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh rừng hiện đại cho người dân; *Thứ ba*, kế thừa, phát huy vai trò của thiết chế tự quản thôn/làng, trực tiếp là của già làng và luật tục trong quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng được giao; *Thứ tư*, đổi mới công tác quản lý trong giao rừng cho các DTTS, bảo đảm sự tham gia của người dân, bảo đảm công khai, minh bạch và đơn giản hóa để người dân yên tâm quản lý, bảo vệ rừng.

### 5. Kết luận

Giao rừng cho các DTTS là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam, được triển khai đều khắp ở các DTTS tại chỗ vùng miền núi các tỉnh duyên hải miền Trung. Thông qua chủ trương giao rừng, vốn rừng được bảo vệ, gắn sinh kế rừng với đời sống người dân, tạo thêm thu nhập và góp phần cải thiện đời sống các dân tộc. Bên cạnh những tác động tích cực, cũng còn một số hạn chế, chính yếu là thiếu sự tham gia của người dân, cơ chế hưởng lợi chưa rõ ràng, diện tích được giao còn ít, chưa tạo động lực đủ mạnh để phát triển rừng bền vững... Do đó, thời gian tới cần có những đổi mới trong chính sách và thực hiện giao rừng cho

người DTTS tại chỗ để phát huy được vai trò của họ trong việc bảo vệ rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp □

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Châu, Hồ Trọng Phúc (2010), “Đánh giá công tác giao đất, giao rừng trên địa bàn huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế”, Tạp chí *Khoa học, Đại học Huế*, số 6.
2. Huỳnh Văn Chương, Lê Hoàng Vũ, Nguyễn Ngọc Thanh (2018), “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất tại Ban quản lý rừng phòng hộ khu Đông, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp*, số 2.
3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên (2019), *Kết quả công tác giao rừng cho các dân tộc thiểu số huyện Sông Hình*, Báo cáo chuyên đề Đề tài “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung”.
4. Tô Xuân Phúc, Trần Hữu Nghị (2014), *Báo cáo giao đất giao rừng trong bối cảnh tái cơ cấu ngành lâm nghiệp: Cơ hội phát triển rừng và cải thiện sinh kế vùng cao*, Tropenbos International Viet Nam, Huế, tháng 6/2014.
5. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Trị (2019), *Báo cáo kết quả giao rừng quản lý, bảo vệ cho các dân tộc thiểu số*, Báo cáo chuyên đề thuộc Đề tài “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực Tây duyên hải miền Trung”.
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh, Thừa Thiên Huế (2019), *Báo cáo kết quả giao rừng quản lý, bảo vệ cho các dân tộc thiểu số*, Báo cáo chuyên đề thuộc Đề tài “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực Tây duyên hải miền Trung”.
7. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam (2019), *Báo cáo kết quả giao rừng quản lý, bảo vệ cho các dân tộc thiểu số*, Báo cáo chuyên đề thuộc Đề tài “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực Tây duyên hải miền Trung”.
8. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Ngãi (2019), *Báo cáo kết quả giao rừng quản lý, bảo vệ cho các dân tộc thiểu số*, Báo cáo chuyên đề thuộc Đề tài Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực Tây duyên hải miền Trung”.
9. Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung và Đại học Nông Lâm Huế (2013), *Kỷ yếu hội thảo Giao đất, giao rừng ở Việt Nam: Chính sách và thực tiễn*, ngày 08/6/2013.
10. Lê Quang Vĩnh, Ngô Thị Phương Anh (2012), “Đánh giá hiệu quả quản lý rừng cộng đồng tại huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế”, Tạp chí *Khoa học, Đại học Huế*, số 6.